

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ IN ẤN BÌNH MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ IN ẤN BÌNH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH MINH COMMERCIAL SERVICES AND PRINTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BM PRINTING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108282208

3. Ngày thành lập: 18/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, Ngõ 120 Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911458866

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
2.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
5.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
6.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
7.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
8.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
9.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
10.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
12.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

13.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
15.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
16.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
17.	Bán buôn thực phẩm	4632
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ loại cốm	4662
19.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
20.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
27.	In ấn	1811(Chính)
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
34.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
35.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết:- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
38.	Bán buôn tổng hợp	4690
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
40.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

41.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
42.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
43.	Bán buôn đồ uống	4633
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
45.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
47.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết:- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.	7730
51.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
54.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
55.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
56.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
57.	Phá dỡ	4311
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
61.	Lập trình máy vi tính	6201
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

64.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
65.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
66.	Quảng cáo	7310
67.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
70.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Xây dựng nhà các loại	4100
73.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG THỊ THÚY NGÀ	P318 , 219F1-2 TT Phương Liệt , 435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	019181000342	
2	LÊ VĂN TIẾN	CH 318 nhà 129 F1-2, 435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	038083000452	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG THỊ THÚY NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019181000342

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P318, 219F1-2 TT Phương Liệt, 435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P318, 219F1-2 TT Phương Liệt, 435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội